

Phụ lục 01: CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)					Dự án thứ cấp đã đầu tư		Ghi chú
				Diện tích theo CTĐT/QĐTL		Diện tích đã cho thuê	Diện tích chưa cho thuê	Tỷ lệ lấp đầy (%)**	Số dự án	Diện tích (ha)	
				Tổng	Trong đó đất CN						
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
I	Khu công nghiệp: 06			2.067,5	1.541,8	1.220,3	321,4	432,2	190,0	1.220,3	
1	KCN Phía Nam	Phường Văn Phú	BQL các KCN	400,0	316,0	289,3	26,7	91,5	66,0	289,3	Tiếp tục GPMB
2	KCN Minh Quân	Phường Âu Lâu	BQL các KCN	107,89	75,0	71,0	4,0	94,7	17,0	71,0	Tiếp tục GPMB
3	KCN Âu Lâu	Phường Âu Lâu	BQL các KCN	120,0	82,8	69,7	13,1	84,2	12,0	69,7	Tiếp tục GPMB
4	KCN Trần Yên	Phường Âu Lâu	Tổng công ty Viglacera-CTCP	254,59	174,0		174,0				Đang GPMB
5	KCN Bắc Duyên Hải	Phường Lào Cai	BQL Khu kinh tế	85,0	60,6	43,8	16,8	72,3	66,0	43,8	Đã GPMB xong
6	KCN Tăng Loỏng	Xã Tăng Loỏng	BQL Khu kinh tế	1.100,0	833,4	746,6	86,8	89,6	29,0	746,6	Tiếp tục GPMB
II	Cụm công nghiệp: 19			808,78	601,77	173,74	428,04		171,00	173,74	
1	CCN Đàm Hồng	Phường Yên Bái, phường Văn Phú	UBND phường Yên Bái, Văn Phú	16,0	12,0	11,99		100,0	23,0	11,99	Đã GPMB xong

2	CCN Âu Lâu	Phường Âu Lâu	UBND phường Âu Lâu	50	31,2	27,09	4,1	86,8	11,0	27,09	Tiếp tục GPMB
3	CCN Báo Đáp	Xã Trấn Yên	UBND xã Trấn Yên	20,0	14,0	3,26	10,7	23,3	4,0	3,26	Tiếp tục GPMB
4	CCN Hưng Khánh	Xã Hưng Khánh	UBND Xã Hưng Khánh	20,0	14,0	6,90	7,1	49,3	3,0	6,90	Tiếp tục GPMB
5	CCN Thịnh Hưng	Xã Yên Bình	UBND Xã Yên Bình	53,05	37,1	30,30	6,8	81,6	5,0	30,30	Tiếp tục GPMB
6	CCN Sơn Thịnh	Xã Văn Chấn	UBND Xã Văn Chấn	58,76	41,1	13,29	27,8	32,3	4,0	13,29	Tiếp tục GPMB
7	CCN Yên Thế	Xã Lục Yên	UBND Xã Lục Yên	39,97	28,0	11,26	16,7	40,2	3,0	11,26	Tiếp tục GPMB
8	CCN Bắc Văn Yên	Xã Đông Cường	UBND Xã Đông Cường	55,0	42,2	32,95	9,2	78,1	6,0	32,95	Tiếp tục GPMB
9	CCN Đông An	Xã Đông Cường	UBND Xã Đông Cường	34,0	23,0	11,14	11,9	48,4	1,0	11,14	Tiếp tục GPMB
10	CCN Yên Hợp	Xã Xuân Ái	UBND Xã Xuân Ái	12,0	12,0	9,46	2,5	78,9	2,0	9,46	Tiếp tục GPMB
11	CCN Minh Quân	Phường Âu Lâu	Công ty TNHH 1TV hạ tầng công nghiệp Bảo Hưng	75,0	53,5		53,5				Đang GPMB
12	CCN Phú Thịnh 1	Phường Văn Phú, Xã Yên Bình	Liên danh công ty CP tập đoàn Đông Đô và công ty CP đầu tư xây dựng số 9 Bắc Giang	75,0	52,5		52,5				Đang GPMB
13	CCN Phú Thịnh 2	Phường Văn Phú, Xã Yên Bình	Công ty TNHH Lâm nghiệp 888 Yên Bái	75,0	52,5		52,5				Đang GPMB

14	CCN Phú Thịnh 3	Phường Văn Phú, Xã Yên Bình	Công ty Cổ phần công nghiệp EUP	75,0	52,5		52,5				Đang GPMB
15	CCN Y CAN	Xã Quy Mông	Công ty CP luyện kim hóa chất Tây Bắc	75,0	52,0		52,0				Đang GPMB
16	CCN Bắc Duyên Hải	Phường Lào Cai	UBND phường Lào Cai	19,5	8,842	8,842		100,0	104	8,842	Đã GPMB xong
17	CCN Phố Ràng	Xã Bảo Yên	UBND xã Bảo Yên	31,01	20,3	6,20	14,1	30,6	4	6,20	Tiếp tục GPMB
18	CCN Khánh Yên Thượng	Xã Văn Bàn	UBND xã Văn Bàn	5,17	3,0	1,05	2,0	35,0	1	1,05	Tiếp tục GPMB
19	CCN Thống Nhất 1	Xã Gia Phú	Công ty CP đầu tư và phát triển Công nghiệp Lào Cai	75,0	52,0		52,0				Đang GPMB

(*) Đến thời điểm 31/12/2025

(**) Tỷ lệ lấp đầy (%) là DT đất đã cho thuê chia cho DT đất CN